

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường THPT Hải An là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính nhóm 3, tọa lạc tại số 1177 Ngô Gia Tự - Phường Nam Hải – Quận Hải An – Thành phố Hải Phòng. Trường THPT Hải An được giao đất sử dụng làm trụ sở Giáo dục – Đào tạo theo quyết định số 1609-QĐ/UBND ngày 19/8/2009 và đến ngày 07/7/2010 Nhà trường được UBND Thành phố Hải Phòng, Sở Tài Nguyên Môi Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 21.992,6 m²

Người đại diện pháp luật: Ông Vũ Văn Điền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại liên hệ: 0905 488861

Địa chỉ email: dienhaian82@gmail.com

Trường THPT Hải An được thành lập theo Quyết định số 1934/2006/ QĐ-UBND ngày 30/8/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về việc thành lập Trường trung học phổ thông Hải An.

Trang thiết bị phục vụ tốt cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy.

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính giáo dục, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc giao biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025; Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 08/04/2025 về việc giao bổ sung số người làm việc và điều chỉnh số hợp đồng lao động hưởng trong đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025. Số người làm việc được giao: 107 người (gồm: 88 biên chế, 19 HĐLĐ)

- Hiện tại, tổng số người đang có mặt tại đơn vị: 96 người

Trong đó:

+ Biên chế: 88 người

+ Hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP ngày 30/12/2022: 01 nhân viên Y tế

+ Hợp đồng khoán việc: 07 người (04 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên lao công - tạp vụ)

Nhà trường có 07 tổ chuyên môn – nghiệp vụ

Tổ	Số thành viên	Tổ trưởng CM	Tổ phó CM	Ghi chú
Toán - Tin	19	1	1	- 19 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành
Văn - GDKTPL	16	1	1	- 15 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành - 01 biên chế thuộc nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý điều hành: Phó hiệu trưởng
Anh - QPAN	15	1	1	- 01 biên chế thuộc nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý điều hành: Phó hiệu trưởng - 15 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành
Lý – Hóa	13	1	1	- 01 biên chế thuộc nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý điều hành: Hiệu trưởng - 12 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành
Sử - Địa	9	1	1	- 09 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành
Sinh – Công nghệ	7	1	1	- 07 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành
Văn phòng - GDTC	10	1	1	- 03 biên chế thuộc nhóm VTVL chuyên môn dùng chung: Kế toán, Văn thư, Thư viện - 06 biên chế thuộc nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành - 01 hợp đồng theo Nghị định 111: Y tế

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1.1- Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng là: 21.992,6 m²

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB245976. Vào sổ cấp GCN: CT00155, ngày 07 tháng 07 năm 2010. Trong đó:

1. Sử dụng vào mục đích chính: 21.992,6 m²

2. Sử dụng vào mục đích khác: 0 m²

1.2- Phòng học, phòng làm việc:

- Khu A gồm 3 tầng, được bố trí làm khu hiệu bộ, có: 01 phòng hội trường, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó HT, 01 phòng kế toán, 01 phòng tiếp dân; 01 phòng văn thư, 01 phòng chờ giáo viên; 01 phòng thư viện (các thiết bị trong phòng có phụ lục kèm theo về số lượng, tình trạng hoạt động).

- Khu B gồm 3 tầng, có: 21 phòng học, 01 phòng đoàn thanh niên, 01 phòng công đoàn, 01 kho vũ khí QPAN, 01 phòng chờ giáo viên, 1 phòng kỹ thuật

- Khu C gồm 3 tầng, có: 12 phòng học, 02 phòng thiết bị giáo dục.

- Khu D gồm 3 tầng, có: 09 phòng học, 02 phòng tin học, 01 phòng y tế, 01 phòng khảo thí

- Nhà trường có: 02 công, 01 phòng bảo vệ, 01 sân vận động, 03 nhà xe học sinh, 02 nhà xe giáo viên.

- Cơ sở vật chất Nhà trường khang trang, hiện đại, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động giáo dục và bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy và học trong giai đoạn hiện nay. Có hệ thống nước uống tinh khiết đảm bảo sức khỏe cho CBGVNV và học sinh toàn trường.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	42	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	42	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	02	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44,5	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	21.992,6	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	01 bộ	
1.2	Khối lớp 11	01 bộ	
1.3	Khối lớp 12	01 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp ...		
2.2	Khối lớp ...		
2.3	Khối lớp ...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác		
6	...		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		03		01		01	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2024-2025, Nhà trường thực hiện đúng tiến độ chương trình giáo dục phổ thông và nội dung các môn học theo qui định; triển khai việc dạy học lồng ghép các nội dung giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống trong các môn học.

Việc sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn được thực hiện thường xuyên theo hướng nghiên cứu bài học. Công tác quản lý hồ sơ chuyên môn được thực hiện nghiêm túc theo quy định, 100% hồ sơ chuyên môn thực hiện trên nền tảng số hóa.

Thực hiện quy chế kiểm tra đánh giá đúng theo quy định, công tác chấm, trả bài được thực hiện nghiêm túc,

Thực hiện quy chế kiểm tra đánh giá đúng theo quy định, công tác chấm, trả bài được thực hiện nghiêm túc,

Các đề kiểm tra đảm bảo tỷ lệ trắc nghiệm và tự luận, đảm bảo 4 mức độ đánh giá chuẩn kiến thức kỹ năng: *nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao*. GV đổi mới cách thức kiểm tra, chú ý đánh giá học sinh qua hoạt động học tập, qua các sản phẩm học tập.

Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục năm học

Số HS ĐG		Kết quả học lực				Kết quả rèn luyện				Danh hiệu	
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	HSXS	HSG
Toàn trường	1860	1357 (72,96%)	480 (25,81%)	19 (1,02%)	1 (0,05%)	1852 (99,57%)	7 (0,38%)	1 (0,05%)	0	248 (13,33%)	1108 (59,57%)
Khối 10	632	300 (47,47%)	316 (50,00%)	14 (2,22%)	0	629 (99,53%)	3 (0,47%)	0	0	30 (4,75%)	270 (42,76%)
Khối 11	618	465 (75,24%)	116 (23,62,%)	5 (0,81%)	1 (0,16%)	615 (99,51%)	2 (0,32%)	1 (0,16%)	0	42 (6,80%)	423 (68,45%)
Khối 12	610	592 (97,05%)	18 (2,95%)	0	0	608 (99,67%)	2 (0,33%)	0	0	176 (28,85%)	415 (68,03%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1- Tình hình tài chính tính đến 30/9/2025

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Số dư năm 2024 mang sang	1.046.607.045	
1	Nguồn Ngân sách chi không thường xuyên	21.100.000	
2	Nguồn Học phí	59.140.194	
3	Nguồn học thêm	353.671.304	
4	Tiền nước uống và giấy vệ sinh các lớp	38.209.111	
5	Trích nộp thuế TNDN năm 2024	281.134.440	
6	Thu hộ chi hộ khác	11.024.405	
7	Quỹ Phúc lợi + Khen thưởng	35.042.722	
8	Nguồn cải cách tiền lương	247.284.869	
B	Quyết toán thu	30.075.254.701	

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Ngân sách nhà nước cấp	22.757.511.051	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	18.085.000.000	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	4.672.511.051	
2	Thu hoạt động SXKD, dịch vụ	7.317.743.650	
2.1	Học phí	1.165.125.000	
2.2	Tiền BHTD học sinh năm học 2025-2026	151.400.000	
2.3	Tiền Đào tạo CC Tin học MOS	600.862.500	
2.4	Tiền học thêm	3.003.322.500	
2.5	Tiền Xe đạp	485.640.000	
2.6	Tiền TANN	889.280.000	
2.7	Tiền học IELTS	683.500.000	
2.8	Tiền Tin nhắn ĐT	108.660.000	
2.9	Tiền Kỹ năng sống	202.192.200	
2.10	Tiền Điện điều hòa h/s	27.761.450	
II	Số thu nộp NSNN	282 359 000	
1	Phí, lệ phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	282 359 000	
III	Số được để lại chi theo chế độ	7.317.743.650	
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SXKD, dịch vụ	7.317.743.650	
2.1	Học phí	1.165.125.000	
2.2	Tiền BHTD học sinh năm học 2025-2026	151.400.000	
2.3	Tiền Đào tạo CC Tin học MOS	600.862.500	
2.4	Tiền học thêm	3.003.322.500	
2.5	Tiền Xe đạp	485.640.000	
2.6	Tiền TANN	889.280.000	
2.7	Tiền học IELTS	683.500.000	
2.8	Tiền Tin nhắn ĐT	108.660.000	
2.9	Tiền Kỹ năng sống	202.192.200	

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
2.10	Tiền Điều điều hòa h/s	27.761.450	
B	Quyết toán chi		
1	Nguồn KP chi thường xuyên	13.540.337.119	
1.1	Chi lương và phụ cấp	11.209.357.544	
1.2	Bảo hiểm phải nộp	1.910.508.418	
1.3	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	71.900.000	
1.4	Chi cho công tác Đảng	54.054.000	
1.5	Chi nghiệp vụ chuyên môn	69.125.500	
1.6	Điện nước, vệ sinh, điện thoại, Internet	225.391.657	
2	Nguồn KP chi không thường xuyên	3.823.038.666	
2.1	Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54/2029/NQ-HĐND; Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Hỗ trợ chi phí học tập	1.170.525.000	
2.2	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	20.527.615	
2.3	Chi trả thu nhập bình quân tăng thêm 6 tháng cuối năm 2024 theo NQ 05/2022/NQ-HĐND: 2.744.791.920đ (<i>Bao gồm nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị: 247.284.869 đ</i>)	2.497.507.051	
2.4	Chi trả tiền Ôn thi Tốt nghiệp THPT năm 2025	134.479.000	
3	Học phí	904.186.343	
	Chi lương và phụ cấp	160.522.836	
	Chi các hoạt động thường xuyên	343.717.222	
	Chi mua sắm, sửa chữa TS	399.946.285	
4	Học thêm	2.841.471.115	
	Thanh toán giảng dạy + chủ nhiệm + Quản lý	2.431.869.961	
	Nộp thuế	60.066.450	
	Tạm chi phúc lợi + Khen thưởng	208.413.086	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	141.121.618	
5	Học Tin học MOS	582.836.625	

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Nộp đơn vị đào tạo	480.690.000	
	Chi quản lý + GVCN	102.146.625	
6	Tiếng Anh (Gv nước ngoài)	887.072.288	
	Nộp đơn vị đào tạo	755.888.000	
	Chi quản lý + GVCN	120.608.128	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	10.576.160	
7	Học IELTS	671.288.982	
	Nộp đơn vị đào tạo	589.075.000	
	Chi quản lý + GVCN	75.540.000	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	6.673982	
8	Tiếng Kỹ năng sống	199.320.840	
	Nộp đơn vị đào tạo	173.478.600	
	Chi quản lý + GVCN	25.842.240	
9	Dịch vụ coi xe	495.754.163	
	Chi lương nhân viên + quản lý và GVCN	197.215.600	
	Nộp thuế	48.564.000	
	Trả tiền công trình sửa chữa nhà để xe học sinh	249.974.563	
11	Thu hộ - chi hộ	90.550.000	
11.1	Sổ liên lạc điện tử		
11.2	Tiền nước uống và giấy vệ sinh các lớp	90.550.000	
12	Các nguồn thu bổ sung chi thường xuyên	1 044 181 212	
12.1	Học thêm	511.396.089	
12.2	Học Tin học MOS	8.898.750	
12.3	Tiếng Anh (Gv nước ngoài)	12.783.872	
12.4	Học IELTS	6.497000	
12.5	Học Kỹ năng sống	2.871.360	
12.6	Dịch vụ Coi xe	277.540.400	
13	Tạm chi khen thưởng, phúc lợi	208.413.086	



2- Công khai các khoản thu năm học 2025-2026

TT	NỘI DUNG	Đơn vị	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền gửi xe: - Xe đạp	Tháng	30.000	Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐND ngày 20/7/2022; 08/2023/NQ- HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng
	- Xe điện, xe máy		50.000	
2	Bảo hiểm y tế: - Khối 10; 11	12 tháng	631.800	Số: 73 /BHXH-THU V/v triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026 của Bảo hiểm xã hội quận Hai An, ngày tháng 8 năm 2025 (Thu trong tháng 11/2025)
	- Khối 12	9 tháng	473.850	
3	Tiền học TA (GV nước ngoài) Khối 10	Tháng	160.000	Tự nguyện
	Tiền học TA (GV nước ngoài) Khối 11		320.000	
4	Tiền học Kỹ năng sống	Tháng	60.000	Tự nguyện
	Học phẩm học kỹ năng sống	Tháng	10.000	
5	Liên lạc điện tử + Dịch vụ mạng	Kỳ	60.000	Tự nguyện
6	Nước uống (từ T8/2025 đến T5/2025)	Tháng	10.000	Tự nguyện
7	Giấy vệ sinh học sinh	Năm	20.000	Tự nguyện
8	Bảo hiểm toàn diện học sinh	Năm	100.000	Tự nguyện
9	Tin học MOS	Tiết	16.000	Tự nguyện
10	Học IELTS			Tự nguyện

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chọn sách giáo khoa mới cho lớp 12 năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Ngành GD & ĐT đảm bảo khách quan, khoa học, vì lợi ích của HS.

2. Công tác tự kiểm tra của trường.

Công tác tự kiểm tra các hoạt động và kiểm tra chuyên môn thực hiện theo kế hoạch đã được thông qua trong hội nghị cán bộ công chức viên chức đầu năm học.

3. Hoạt động dạy ngoại ngữ, và tổ chức cho học sinh học kỹ năng sống.

*Đẩy mạnh việc học ngoại ngữ trong nhà trường:

Từ Lợi ích của việc học sinh có các chứng chỉ IELTS: đó là giúp học sinh đi du học, định cư hay làm việc tại các cơ quan, tổ chức nước ngoài. Học sinh có chứng chỉ IELTS 4.0 trở lên được miễn thi tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông. Cũng sẽ có cơ hội được xét tuyển vào một số trường đại học nhất định theo đề án tuyển sinh của các trường đại học ...Ngoài ra, khi lên Đại học, nếu đã có chứng chỉ IELTS học sinh có thể được miễn học tiếng Anh cơ sở trong 1-2 năm đầu. Trên cơ sở lợi ích như vậy:

Nhà trường tiếp tục duy trì việc tổ chức học tiếng anh thi chứng chỉ IELTS :

+ Nhà trường tổ chức cho hai nhóm lớp 11B7 và 10C8 học thi chứng chỉ IELTS cả lớp. Thời gian là 2 buổi trên tuần, học tại trường và giáo viên là của trung tâm ngoại ngữ PEC, trung tâm hàng đầu về luyện thi IELTS tại Hải Phòng.

+ Xác định ngoại ngữ là hành trang cực kỳ quan trọng cho các em học sinh sau này, nhà trường đang đề ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng học tập môn ngoại ngữ trong nhà trường. Như: yêu cầu các thầy cô khi kiểm tra học sinh phải kiểm tra đủ 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết). Ngoài ra để tạo ra môi trường học tập, học sinh được sớm tiếp cận với giao tiếp với người nước ngoài, nhà trường phối hợp với trung tâm anh ngữ E – connect Hải Phòng tổ chức học tiếng anh cho K10 và K11 do người nước ngoài (đến từ các nước châu Âu) trực tiếp giảng dạy với thời lượng 1 tiết/tuần. Nhằm rèn luyện kỹ năng nghe, nói, giao tiếp của học sinh.

* Với K12: để tăng kiến thức, kỹ năng ứng xử trong giao tiếp, biết cách xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống , nhà trường tổ chức cho các em hs học kỹ năng sống với thời lượng 1 tiết/tuần do các giáo viên của trung tâm phát triển nguồn nhân lực được đào tạo bài bản giảng dạy.

4. Công tác triển khai sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống "Trường học kết nối" được nhà trường tiếp tục duy trì tốt. Đặc biệt trong năm học này CB,GV, NV nhà trường đã hực hiện mạnh mẽ, có kết quả việc chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và trong công việc chuyên môn ở nhà trường

5. Công tác học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém:

Trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, nhà trường đã xây dựng kế hoạch từ đầu năm học, giao chỉ tiêu phấn đấu cho các tổ nhóm chuyên môn, đảm bảo toàn diện ở các khâu: phát hiện, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng.

Trong công tác phụ đạo học sinh yếu kém, BGH nhà trường giao cho tổ nhóm chuyên môn và GVCN khảo sát để nắm bắt danh sách từ đầu năm và giao nhiệm vụ phụ đạo cho GVBM trực tiếp giảng dạy. BGH chỉ đạo các GVBM trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy phải dựa trên tình hình thực tế các lớp được phân công, và có giải pháp để giúp đỡ các em học sinh có khả năng yếu về học lực, đặc biệt quan tâm nhiều hơn cho khối 12 trong giai đoạn ôn thi TN THPT ; Năm học này ghi nhận sự cố gắng lớn từ thầy cô và các em HS.

** Kết quả các kỳ thi, cuộc thi học sinh đạt được trong năm học 2024 - 2025:*

- Thi học sinh giỏi các môn văn hóa bảng A, bảng B cấp thành phố trường đạt 50 giải, trong đó: có 04 giải KK bảng A ở các môn Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử, Tiếng Anh, 46 giải HSG bảng B (2 giải nhất, 9 giải nhì, 15 giải ba, 20 giải khuyến khích). Các môn có nhiều giải cao: Văn, Tiếng Anh, Hóa học.

- Hội thao Quốc phòng cấp Quận trường đạt giải nhất toàn khối 11, giải 3 toàn đoàn

- Cuộc Thi giải Toán & KHTN bằng Tiếng Anh nhà trường có 8 giải: 1 nhì, 1 ba, 6 khuyến khích (Cụ thể: thầy Trọng (môn hóa): 1 nhì, 2KK, cô Trần Thủy (môn sinh) 1 ba, thầy Cường (môn vật lý) 2 KK, thầy Khiển (môn toán): 2 KK)

- Cuộc thi Olympic hóa học (Kỳ thi của hội hóa học Việt Nam, do sở hỗ trợ và phối hợp tổ chức): Trường có 16 em đạt giải: 1 giải vàng, 2 giải bạc, 5 giải đồng, 8 khuyến khích (Cụ thể Đ/c Trọng: 7 giải: 1 bạc, 1 đồng, 5 KK. Đ/c Thức: 9 giải: 1 vàng, 1 bạc, 4 đồng, 3 KK)

- Thi HSG cấp trường: Toàn trường có 184 giải. Trong đó:

+ Khối 10 có 94 giải: 8 nhất, 17 nhì, 24 ba, 45 khuyến khích

+ Khối 11 có 90 giải: 8 nhất, 15 nhì, 23 ba, 44 khuyến khích

6. Công tác tư vấn, hướng nghiệp và hoạt động ngoại khóa của nhà trường:

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường thực hiện khảo sát nguyện vọng của học sinh thuộc các đối tượng: học sinh có nguyện vọng thi vào các trường Đại học, học sinh đi học nghề, học sinh đi du học, học sinh đi xuất khẩu lao động,... để xây dựng kế hoạch phân luồng, đầu tư dạy học và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

- Nhà trường đã liên hệ với các trường Đại học, Đại học FPT, Đại học Hải Phòng, Đại học Hàng Hải, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội, các trường cao đẳng trong và ngoài thành phố để xây dựng kế hoạch tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp, nhằm giới thiệu với học sinh, cha mẹ học sinh về thông tin tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, nhu cầu việc làm. Học sinh khối 12 có 1 ngày học tập, trải nghiệm và tìm hiểu về ngành nghề tại 2 trường Đại học top đầu là trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội, tham gia tư vấn hướng nghiệp và ngày hội việc làm tại Đại học Hàng Hải và Đại học Hải Phòng

- Các tổ chuyên môn đã chỉ đạo giáo viên hướng nghiệp cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học - kĩ thuật, dạy tin học MOS,...

- Hoạt động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp tích cực, chủ động đổi mới và thực hiện thành công đạt được mục tiêu đề ra: Khối 10 với Hoạt động hướng đến xã hội, chủ đề: “Hành trang tuổi trẻ”. Học sinh được tham gia học tập trải nghiệm tại: Nhà máy xử lý rác thải Trảng Cát - Khu di tích Bạch Đằng Giang – TTGD LDXH Gia Minh; Khối 12 với Hoạt động hướng nghiệp, chủ đề: “Định hướng nghề nghiệp cho tương lai” Học sinh được tham gia học tập trải nghiệm tại: Đại Học Kinh Tế Quốc Dân- Đại Học Bách Khoa Hà Nội. Khối 11: với Hoạt động hướng đến tự nhiên, chủ đề “ Hành trình trải nghiệm & kết nối”.



Học sinh được tham gia học tập trải nghiệm tại: Nhà máy YAZAKI - Khu di tích Bến K15 – tham gia hoạt động teambuilding kết nối.

7. Công tác xây dựng Đảng:

- Nhà trường rất quan tâm phát hiện, bồi dưỡng S học cảm tình Đảng: đã lựa chọn 68 quần chúng là học sinh tiêu biểu xuất sắc, đủ điều kiện theo quy định để tham gia học cảm tình Đảng.

- Tính đến ngày 23/5/2025: Các chi đảng bộ kết nạp được kết nạp 16 Đảng viên, trong đó có 14 Đảng viên là học sinh và 02 Đảng viên là giáo viên.

8. Công tác phát triển đoàn viên: Tổ chức bồi dưỡng kết nạp Đoàn viên: ba đợt vào các tháng 9, tháng 11, tháng 3

9. Công tác y tế trường học:

Trường có 100% HS tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc. Nhà trường đảm bảo tuyệt đối an toàn nhà trường cả về an ninh trật tự và về phòng chống dịch bệnh: phun khử khuẩn toàn trường 2 lần trong 1 năm học

Năm học 2024 – 2025, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho HS toàn trường: Theo kết quả nhiều học sinh nhà trường mắc các tật về *Nội khoa*: Dạ dày, Tiêu hóa, Hô hấp, mắt ngủ. *Các bệnh Ngoại khoa*: Viêm da do mụn trứng cá nhiễm khuẩn, Cơ, xương do tư thế đi, ngồi, không chuẩn. *Các bệnh về mắt*: tật khúc xạ; *Các bệnh Tai – Mũi – Họng*: Viêm tai, Viêm Amy đan, viêm họng hạt. *Các bệnh về Răng – Hàm – Mặt*: chủ yếu là về răng: cao răng, sâu ngà, viêm tủy răng, răng xô lệch ...trong đó HS có tật về mắt, Răng Hàm Mặt: béo phì: Viêm da: Tai mũi họng chiếm tỷ lệ cao.

Điều này cho thấy HS và CMHS cần quan tâm xây dựng chế độ, thói quen sinh hoạt khoa học cho HS ở nhà và ở trường hàng ngày (tư thế ngồi trong học tập, trong ăn, ngủ, nghỉ và vệ sinh cơ thể).

10. Tăng cường CSVC phục vụ việc nâng cao chất lượng dạy – học và XD trường chuẩn quốc gia.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với UBND Thành phố và UBND quận Hải An đẩy nhanh tiến độ mở rộng ngõ vào trường. Tiếp tục đầu tư, sửa chữa csvc nhà trường.

Hiện nay việc mở rộng ngõ vào trường đã được Hội đồng nhân dân và UBND quận Hải An ra nghị quyết và đang triển khai công tác kiểm kê, đo đạc, lên phương án đền bù và giải phóng mặt bằng. Nhà trường sẽ bám sát, quyết liệt đề xuất để dự án được triển khai sớm.

Sẽ lên kế hoạch lắp màn hình Led trên sân khấu, phục vụ các hoạt động chung của nhà trường và học sinh. Và lắp đặt thêm 2 phòng học thông minh.

11. Công tác XHH giáo dục và hoạt động của Hội CMHS:

CMHS toàn trường mà trước hết là BDD CMHS nhà trường và BDD CMHS các lớp đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường góp phần có hiệu quả trong công tác quản lý, giáo dục đạo đức học sinh; tham gia và có những hỗ trợ tích cực góp phần vào thành công của các hoạt động chung của thầy và trò nhà trường, đặc biệt trong giáo dục đạo đức lối sống,

quản lý con em; Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, phong trào chung của HS nhà trường.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, overlapping loops and lines.

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Văn Điền

